

*Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2016*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam của Viện Hóa sinh Hữu cơ Thái Bình Dương thuộc Phân viện Viễn Đông của Viện Hàn lâm Khoa học Nga tại Công hàm số 2266 ngày 12 tháng 9 năm 2016 của Đại sứ quán Liên bang Nga tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Viện Hóa sinh Hữu cơ Thái Bình Dương thuộc Phân viện Viễn Đông của Viện Hàn lâm Khoa học Nga và Viện Hải dương học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam được sử dụng Tàu nghiên cứu “Viện sỹ Oparin” được tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải của Việt Nam.

a) Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu: Bổ sung và cập nhật tư liệu về đa dạng sinh học và cấu trúc quần xã sinh vật; thu thập mẫu vật phục vụ nghiên cứu hóa sinh, môi trường.

b) Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu: Khảo sát thu mẫu để nghiên cứu đa dạng sinh học, hóa sinh và tích lũy kim loại nặng.

c) Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu: Phạm vi nghiên cứu gồm 07 khu vực biển: Cồn Cỏ, Đà Nẵng - Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Cù Lao Xanh, Văn Phong, Nha Trang và Ninh Thuận (Kèm theo Phụ lục số 01 Vị trí các điểm khảo sát, Phụ lục số 02: Sơ đồ tuyến khảo sát).

d) Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:

- Phương pháp nghiên cứu: Áp dụng các phương pháp lấy mẫu nghiên cứu về đa dạng sinh học, hóa sinh, hóa học, viễn thám.

- Phương tiện nghiên cứu: Tàu nghiên cứu AKADEMIK OPARIN. Quốc tịch: Cộng hòa Liên bang Nga. Số đăng ký: 8412376-MMSI: 273438800.

- Thiết bị nghiên cứu: Lưới mẫu sinh vật phù du, cào đáy chuyên dụng được lắp đặt trên tàu; thiết bị lặn SCUBA; các thiết bị định vị; ca nô chuyên dụng.

đ) Không sử dụng vật liệu nổ, hóa chất độc để nghiên cứu.

e) Lịch trình nghiên cứu:

- Từ ngày 05/11 đến ngày 9/12/2016: Khảo sát ở 07 khu vực biển: Côn Cỏ, Đà Nẵng - Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Cù Lao Xanh, Văn Phong, Nha Trang và Ninh Thuận.

- Ngày 10/12/2016: Tàu cập cảng Nha Trang.

- Ngày 13/12/2016: Hội thảo khoa học sau khảo sát.

g) Các cảng đến và đi:

- Cảng đón: Cảng Tiên Sa, Đà Nẵng.

- Cảng trả: Cảng Nha Trang, Khánh Hòa.

h) Tên, quốc tịch của các nhà khoa học nước ngoài; tên của các nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:

Tổng số: 41 người, trong đó:

- Số nhà khoa học Nga: 24 người;

- Số nhà khoa học Việt Nam: 17 người.

*(Kèm theo Phụ lục số 03: Danh sách đoàn khoa học Nga và Việt Nam tham gia chuyến khảo sát trên Tàu nghiên cứu "Viện sỹ Oparin").*

i) Thời hạn nghiên cứu:

- Từ ngày 02 tháng 11 năm 2016 đến ngày 22 tháng 12 năm 2016.

**Điều 2.** Viện Hóa sinh Hữu cơ Thái Bình Dương thuộc Phân viện Viễn Đông của Viện Hàn lâm Khoa học Nga và Viện Hải dương học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

b) Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

c) Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyển giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;



d) Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

đ) Có trách nhiệm thông báo cho các Quân khu và các đơn vị liên quan (Hải quân, Biên phòng, Cảnh sát biển) về thời gian và kế hoạch hoạt động cụ thể của Tàu nghiên cứu “Viện sỹ Oparin” hoạt động trong các vùng biển Việt Nam để các đơn vị biết, triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

e) Khi đi qua các lô thăm dò, khai thác dầu khí của Việt Nam, phải thông báo về thời gian và các hoạt động cụ thể của Tàu nghiên cứu “Viện sỹ Oparin” cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam biết để tránh gây ảnh hưởng cho các hoạt động này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

**Điều 4.** Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Viện Hóa sinh Hữu cơ Thái Bình Dương thuộc Phân viện Viễn Đông của Viện Hàn lâm Khoa học Nga và Viện Hải dương học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công an;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận;
- Đại sứ quán Liên bang Nga tại Việt Nam;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**  
  
**Nguyễn Linh Ngọc**

**Phụ lục 01: VỊ TRÍ, TỌA ĐỘ KHU VỰC BIỂN THỰC HIỆN  
CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU**

**1.1. Khu vực, điểm, tọa độ, độ sâu thực hiện hoạt động lấy mẫu đáy**

TT	Khu vực và điểm	Kinh độ	Vĩ độ	Độ sâu (m)
	<b>Cồn Cỏ</b>			
1	CC1	107.52442	17.11860	65
2	CC2	107.59602	17.04293	55
3	CC3	107.69347	16.97897	45
	<b>Đà Nẵng - Cù Lao Chàm</b>			
4	DN1	108.82665	16.31235	105
5	DN2	108.72480	16.25522	95
6	DN3	108.61462	16.20837	100
	<b>Lý Sơn</b>			
7	LS1	109.36225	15.39195	120
8	LS2	109.37955	15.25872	115
9	LS3	109.41565	15.15125	300
10	LS4	109.48410	15.03787	270
	<b>Cù Lao Xanh</b>			
11	CLX1	109.43448	13.77513	120
12	CLX2	109.45090	13.57947	115
13	CLX3	109.63144	13.55272	217
14	CLX4	109.80332	13.53016	400
	<b>Vân Phong</b>			
15	VP1	109.67622	12.35112	175
16	VP2	109.51817	12.41783	135
17	VP3	109.67624	12.45765	165
18	VP4	109.56053	12.55044	130
19	VP5	109.67095	12.59368	171
	<b>Nha Trang</b>			
20	NTr1	109.72990	11.90232	200
21	NTr2	109.60197	11.98768	150
22	NTr3	109.74678	12.10640	135
23	NTr4	109.59586	12.15838	115
	<b>Ninh Thuận</b>			
25	NTh1	110.01602	11.39477	115

Ng. 9/

26	NTh2	109.88524	11.39354	129
27	NTh3	109.75634	11.38795	150
28	NTh4	109.60144	11.38936	190
29	NTh5	109.42952	11.37877	220

**1.2. Khu vực, điểm và tọa độ để lặn khảo sát ven các đảo và bãi ngầm**

TT	Khu vực và điểm	Kinh độ'	Vĩ độ
	<b>Cồn Cỏ</b>		
1	Bãi 70	107.33806	17.16711
2	Đông Bắc Bãi Đông Hà	107.34631	17.16456
3	Đông Bãi Đông Hà	107.34945	17.15957
4	Bãi Tranh	107.33920	17.15025
5	Bãi Hải Nam	107.33021	17.15802
	<b>Đà Nẵng - Cù Lao Chàm</b>		
6	Bãi Cỏ	108.12150	16.21453
7	Bãi Chuối 2	108.14346	16.21572
8	Sừng Đầu Heo	108.17134	16.20949
9	Sừng Rong Cau	108.18160	16.21335
10	Bắc Hòn Sơn Chà	108.20193	16.22361
11	Nam Hòn Sơn Chà	108.20326	16.21127
12	Rạn Lá	108.45197	15.98854
13	Hòn Mô	108.47444	15.93361
14	Rạn Mảnh	108.51901	15.90042
15	Vũng Thùng	108.53972	15.90300
16	Hòn Nhạn	108.68766	15.81904
	<b>Lý Sơn</b>		
17	Bãi Cạn 1 (Banc du Volta)	109.00300	15.50600
18	Lạch Chùa Hang	109.12203	15.39502
19	Bắc Rạn Gò Núi Lửa	109.14295	15.36611
20	Bãi Cạn 2 (Banc de Cu Lao Re 1)	109.13200	15.29838
21	Bãi Cạn 3 (Banc de Cu Lao Re 2)	109.12815	15.28338
	<b>Cù Lao Xanh</b>		
22	Hòn Cấn	109.31456	13.90180
23	Hòn Cỏ	109.35087	13.89827
24	Tây Cù Lao Xanh	109.34403	13.61626

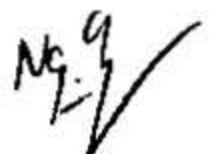
Ng: 9/



25	Tây Nam, Suối Lào Xương	109.36639	13.61647
26	Bãi Cạn 1 (Banc de paques: 16)	109.32557	13.62105
27	Bãi Cạn 1 (Banc de paques: 17)	109.31665	13.60266
	<b>Văn Phong</b>		
28	Cực Đông Hòn Gồm	109.45901	12.64782
29	Cửa Lạch Cửa Bé	109.44105	12.57402
30	Bãi Trâu Năm	109.44788	12.59557
31	Bãi Tre	109.33278	12.33278
32	Hòn Đen	109.30364	12.60031
	<b>Nha Trang</b>		
33	Đông Hòn Tre	109.32858	12.20963
34	Hòn Nọc	109.34488	12.19085
35	Hòn Nội	109.32260	12.03602
36	Hòn Ngoại	109.32164	12.00418
37	Bãi Cạn Thủy Triều	109.24009	12.08650
	<b>Ninh Thuận</b>		
38	Bãi Nhỏ	109.19887	11.70460
39	Hang Rái	109.18281	11.67717
40	Mũi Thị	109.16124	11.61808
41	Mỹ Hòa	109.15371	11.60536
42	Bãi Cạn 1 (Banc de Chateaurenault)	109.08459	11.53684
43	Bãi Cạn 2 (Plateau de Corail)	109.12013	11.55220
44	Hòn Cau 1	108.83361	11.22639
45	Hòn Cau 2	108.83250	11.23278
46	Hòn Cau 3	108.82833	11.22194
47	Bãi Cạn 1 (Breda)	108.86833	11.27611
48	Bãi Cạn 2 (Breda)	108.86778	11.28333

25.9

**Phụ lục 02: SƠ ĐỒ TUYỂN KHẢO SÁT  
CỦA TÀU NGHIÊN CỨU “VIỆN SỸ OPARIN”**



**Phụ lục 03: DANH SÁCH ĐOÀN KHOA HỌC NGA VÀ VIỆT NAM THAM GIA  
CHUYẾN KHẢO SÁT TRÊN TÀU NGHIÊN CỨU “VIỆN SỸ OPARIN”**

**3.1. Danh sách đoàn khoa học Nga**

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Malyarenko Timofei Vladimirovich	Head of expedition, Ph.D, Researcher (Trưởng đoàn phía Nga, nhà nghiên cứu)
2	Iurchenko Ekaterina Aleksandrovna	Ph.D, Researcher
3	Petrov Valerii Nikolaevich	Head of Marine Department of PIBOC, Ph.D, Researcher
4	Pelageev Dmitrii Nikolaevich	Ph.D, Researcher
5	Shepetova Natalia Mikhailovna	Scientific secretary of expedition (Thư ký đoàn)
6	Iurchenko Anton Nikolaevich	Ph.D, Researcher
7	Volod'ko Alexandra Vladimirovna	Ph.D, Researcher
8	Tarbeeve Darya Vladimirovna	Ph.D, Researcher
9	Golotin Vasilii Aleksandrovich	Ph.D, Researcher
10	Kvetkina Aleksandra Nikolaevna	Ph.D, Student
11	Chernysheva Nadezhda Iuryevna	Ph.D, Student
12	Filshtein Alina Petrovna	Ph.D, Student
13	Belik Aleksei Anatolievich	Researcher
14	Chingizova Ekaterina Aleksandrovn	Ph.D, Researcher
15	Lysenko Aleksandr Sergeevich	Diver (thợ lặn)
16	Tiulkin Victo	Diver
17	Davydyuk Roman Anatolievich	Diver
18	Belitskii Ruslan Sergeevich	Diver
19	Latypov Iurii Iakovlevich	D.Sc, Researcher
20	Selin Nikolai Ivanovich	Ph.D, Researcher
21	Maliutin Andrei Nikolaevic	Ph.D, Researcher
22	Goloseev Aleksandr Gennadievich	Diver
23	Oskolkov Aleksandr	Diver
24	Belousov Anton Olegovich	Diver

Ng 9/



### 3.2. Danh sách đoàn khoa học Việt Nam

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Văn Long	Trưởng đoàn phía Việt Nam, Nghiên cứu viên Viện Hải dương học
2	Hứa Thái Tuyền	Nghiên cứu viên Viện Hải dương học
3	Phan Kim Hoàng	Nghiên cứu viên, Viện Hải dương học
4	Thái Minh Quang	Nghiên cứu viên, Viện Hải dương học
5	Võ Trần Tuấn Linh	Nghiên cứu viên, Viện Hải dương học
6	Trương Hải Bằng	Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang
7	Võ Thị Diệu Trang	Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang
8	Đậu Văn Thảo	Nghiên cứu viên, Viện Tài nguyên và Môi trường biển
9	Đinh Văn Nhân	Nghiên cứu viên, Viện Tài nguyên và Môi trường biển
10	Cao Văn Lương	Nghiên cứu viên, Viện Tài nguyên và Môi trường biển
11	Trần Mạnh Hà	Nghiên cứu viên, Viện Tài nguyên và Môi trường biển
12	Bùi Việt Hùng	Nghiên cứu viên, Viện Công nghệ vũ trụ
13	Vũ Văn Thành	Nghiên cứu viên, Viện Hóa sinh biển
14	Phạm Quốc Long	Nghiên cứu viên, Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên
15	Đại diện	Bộ Quốc phòng
16	Đại diện	Bộ Tài nguyên và Môi trường
17	Đại diện	Bộ Công an

Ng 9/1/21